ĐIỀU LỆ MẪU
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

GIỚI THIỆU CHUNG

ĐIỀU LỆ MẪU
Về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã

Gồm có 8 chương, 68 điều.

Chương I, gồm có 11 điều, quy định chung về tôn chỉ, mục đích, tư cách pháp nhân, tên hợp tác xã, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, ngành nghề sản xuất, kinh doanh, nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động của hợp tác xã, quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã và các nội dung liên quan đến nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã.

Chương II, gồm có 07 điều (từ điều 12 đến 18), quy định về thành viên hợp tác xã.

Chương III, gồm có 09 điều (từ điều 19 đến 27), quy định về tổ chức quản trị và đại hội thành viên.

Chương IV, gồm có 20 điều (từ điều 28 đến 47), quy định về tài chính, tài sản của hợp tác xã.

Chương V, gồm có 04 điều (từ điều 48 đến 51), quy định về tiền lương, phụ cấp lương, thù lao, khen thưởng, kỷ luật và phúc lợi của hợp tác xã.

Chương VI, gồm có 13 điều (từ điều 52 đến 64), quy định về tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã.

Chương VII, gồm có 02 điều (từ điều 65 đến 66), quy định về kiểm toán hợp tác xã.

Chương VIII, gồm có 02 điều (từ điều 67 đến 68), quy định về điều khoản thi hành.

ĐIỀU 1. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Căn cứ pháp lý

a) Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2023 *(sau đây viết tắt là **Luật Hợp tác xã**)*;

b) Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã *(sau đây viết tắt là **Nghị định 113/2024/NĐ-CP**)*;

2. Giải thích từ ngữ

a) *"Hợp tác xã"* quy định tại Điều lệ này được hiểu là Hợp tác xã: ….

b) *"Điều lệ"* quy định tại Điều lệ này được hiểu là Điều lệ về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã: …

c) *"Thành viên sáng lập"* được hiểu là pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình tự nguyện, cam kết góp vốn tham gia thành lập hợp tác xã và là thành viên chính thức của hợp tác xã *(theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Hợp tác xã)*.

ĐIỀU 14. THỦ TỤC GIA NHẬP THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

1. Thành viên sáng lập và thành viên chính thức

1.1. Phải có văn bản cam kết góp vốn:

a) Thành viên là cá nhân: Thực hiện theo mẫu 1.1;

b) Thành viên là hộ gia đình: Thực hiện theo mẫu 1.2, kèm theo Giấy ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho người đại diện hộ gia đình tham gia góp vốn (mẫu A1);

c) Thành viên là pháp nhân: Thực hiện theo mẫu 1.3, kèm theo Giấy ủy quyền của pháp nhân cho người đại diện của pháp nhân tham gia góp vốn (mẫu A2);

1.2. Phải có hợp đồng hợp tác hoặc biên bản thỏa thuận giữa hai bên (thành viên chính thức và hợp tác xã) về sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau hoặc góp sức lao động hoặc vừa sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau và vừa góp sức lao động;

2. Thành viên liên kết góp vốn

Phải có văn bản cam kết góp vốn theo quy định tại khoản 1.1 Điều này.

3. Thành viên liên kết không góp vốn

a) Phải có đơn xin gia nhập thành viên hợp tác xã.

b) Phải có hợp đồng hợp tác hoặc có biên bản thỏa thuận giữa hai bên (thành viên liên kết không góp vốn và hợp tác xã) về sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau hoặc góp sức lao động hoặc vừa sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau và vừa góp sức lao động.

ĐIỀU 15. QUY TRÌNH, THỦ TỤC XÁC NHẬN KẾT NẠP VÀ GÓP VỐN CỦA THÀNH VIÊN

1. Khi chủ thể xin gia nhập thảnh viên thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này thì hợp tác xã xem xét, ban hành ***quyết định kết nạp thành viên***.

2. Khi thành viên góp đủ vốn theo giấy cam kết góp vốn thì hợp tác xã ***cấp giấy chứng nhận góp vốn của thành viên*** và ghi vào sổ đăng ký thành viên tại thời điểm góp đủ phần vốn góp *(theo quy định tại Điều 75 Luật Hợp tác xã)*.

3. Nếu chủ thể xin gia nhập thành viên hợp tác xã ***có nhu cầu về vị trí việc làm thường xuyên tại hợp tác xã*** thì được hợp tác xã tạo điều kiện. Trường hợp này, nếu hợp tác xã có nhu cầu tuyển dụng vị trí việc làm thường xuyên mà đối tượng xin gia nhập thành viên hợp tác xã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng vị trí việc làm thường xuyên đó thì được hợp tác xã xem xét, tuyển dụng và được ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 16.QUYỀN CỦA THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

ĐIỀU 31 LUẬT HỢP TÁC XÃ

*4. Riêng đối với **thành viên sáng lập** và **thành viên chính thức có phần vốn góp lớn** thì có thêm các quyền sau đây:*

a) Được ưu tiên xem xét ***về tư cách ứng cử, đề cử để bầu thành viên hội đồng quản trị***, giám đốc (tổng giám đốc), thành viên ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên.

b) ***Được ưu tiên xem xét, tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động theo vị trí việc làm thường xuyên*** trong tổ chức bộ máy hoạt động của hợp tác xã *(nếu thành viên có nhu cầu về việc làm và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng lao động theo vị trí việc làm của hợp tác xã).*

c) Được ***thừa kế quyền ưu tiên xem xét, tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động đối với con ruột, cháu ruột*** khi thành viên xin thôi làm việc tại hợp tác xã (nếu con ruột, cháu ruột có nhu cầu về việc làm và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng lao động theo vị trí việc làm của hợp tác xã).

d) Được ưu tiên xem xét ***thụ hưởng các chế độ phúc lợi của hợp tác xã*** theo quy định của Điều lệ và quy định, quy chế nội bộ của hợp tác xã.

ĐIỀU 16.QUYỀN CỦA THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

ĐIỀU 31 LUẬT HỢP TÁC XÃ

5. Riêng đối với ***thành viên sáng lập*** *thì có thêm quyền:*

Sau 03 năm (36 tháng) kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký thành lập hợp tác xã thì thành viên sáng lập được quyền ***chuyển nhượng quyền sở hữu về tư cách thành viên sáng lập*** theo thứ tự ưu tiên cho người có quan hệ gia đình *(theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Hợp tác xã)*; …

… Nếu chuyển nhượng quyền sở hữu về tư cách thành viên sáng lập cho người khác không phải là người có quan hệ gia đình *(theo khoản 11 Điều 4 Luật Hợp tác xã)* thì phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị và phải được Đại hội thành viên thông qua. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu về tư cách thành viên sáng lập phải thực hiện bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên. ***Người nhận chuyển nhượng quyền sở hữu về tư cách thành viên sáng lập có đầy đủ về quyền và nghĩa vụ như thành viên sáng lập***.

ĐIỀU 17. NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

ĐIỀU 32 LUẬT HỢP TÁC XÃ

4. *Riêng đối với* ***thành viên sáng lập*** *thì có thêm các nghĩa vụ sau đây:*

a) Phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Luật Hợp tác xã.

c) Tham dự hội nghị thành lập hợp tác xã để thông qua: Dự thảo Điều lệ về tổ chức và hoạt động của hợp tác xã và các nội dung khác liên quan đến việc thành lập và tổ chức hoạt động của hợp tác xã.

d) Không được rút vốn góp đã góp trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính tại thời điểm thành viên góp đủ vốn theo văn bản cam kết góp vốn.

5. Riêng đối với ***thành viên có phần vốn góp lớn*** *thì có thêm nghĩa vụ:*

a) Góp vốn tối thiểu theo quy định của Điều lệ.

b) Không được rút vốn góp đã góp trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính tại thời điểm thành viên góp đủ vốn theo văn bản cam kết góp vốn.

ĐIỀU 18. CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN

ĐIỀU 33 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. Thành viên chính thức

a) Thành viên là cá nhân đã chết; bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Trường hợp này thành viên được ***nhận lại vốn góp đã góp ngay sau khi hợp tác xã ban hành quyết định chấm dứt tư cách thành viên*** hoặc ***nếu có người thừa kế thì được chuyển giao tư cách thành viên cho người thừa kế*** theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định, quy chế nội bộ của hợp tác xã.

b) Thành viên là tổ chức chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản. Trường hợp này thành viên ***được nhận lại vốn góp đã góp ngay sau khi hợp tác xã ban hành quyết định chấm dứt tư cách thành viên***.

c) Hợp tác xã chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản: ***Thực hiện theo quy định của pháp luật***.

d) Thành viên tự nguyện xin ra khỏi thành viên hợp tác xã. Trường hợp này thành viên ***được nhận lại vốn góp đã góp tại hợp tác xã sau 03 năm*** (36 tháng) kể từ ngày hợp tác xã ban hành quyết định chấm dứt tư cách thành viên;

đ) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ và quy định, quy chế nội bộ của hợp tác xã. Trường hợp này thành viên ***được nhận lại vốn góp đã góp tại hợp tác xã sau 03 năm*** (36 tháng) kể từ ngày hợp tác xã ban hành quyết định chấm dứt tư cách thành viên;

e) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp sức lao động theo hợp đồng hợp tác hoặc theo biên bản thỏa thuận với hợp tác xã trong thời gian liên tục 03 năm (36 tháng). Trường hợp này thành viên ***được nhận lại vốn góp đã góp ngay sau khi hợp tác xã ban hành quyết định chấm dứt tư cách thành viên***.

ĐIỀU 18. CHẤM DỨT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN

ĐIỀU 33 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. Thành viên chính thức (tt)

g) Thành viên ***có độ tuổi trên 80*** (đối với nam) và ***trên 78 (***đối với nữ) thì chấm dứt tư cách thành viên và được chuyển giao tư cách thành viên cho người thừa kế theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định, quy chế nội bộ của hợp tác xã. Nếu không có người thừa kế thì thành viên được nhận lại vốn góp đã góp ngay sau khi hợp tác xã ban hành quyết định chấm dứt tư cách thành viên.

Lưu ý: Độ tuổi quy định tại khoản này có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của hợp tác xã và do Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc Đại hội thành viên quyết định.

h) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không thực hiện góp vốn;

2. Thành viên liên kết góp vốn: Thực hiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều này;

3. Thành viên liên kết không góp vốn

a) Thực hiện các quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này;

b) Không nộp phí thành viên theo quy định của hợp tác xã;

c) Khi chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn thì thành viên không được nhận lại phí thành viên đã nộp.

4. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên được nhận lại vốn góp đã góp tại hợp tác xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, hợp tác xã thực hiện chi trả tiền góp vốn đã góp theo mệnh giá Đồng Việt Nam được ghi trên Giấy chứng nhận góp vốn của thành viên.

ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN TRỞ THÀNH ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật Hợp tác xã và pháp luật liên quan, ***ứng cử, đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị*** phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1.Là thành viên sáng lập, thành viên chính thức có phần vốn góp lớn hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức có phần vốn góp lớn. Các trường hợp ứng cử, đề cử theo quy định này ***phải được ưu tiên xem xét thành viên có phần vốn góp lớn hơn***.

2. Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của hợp tác xã;

4. Ứng cử, đề cử để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trình độ đại học trở lên.

5. Thành viên có độ tuổi ***trên 72*** (đối với nam) và ***trên 70*** (đối với nữ) không được tham gia ứng cử, đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT.

Lưu ý: Độ tuổi quy định tại khoản 5 Điều này có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của hợp tác xã.

3. Không được là người có quan hệ gia đình *(theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Hợp tác xã)* với thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của hợp tác xã.

ĐIỀU 26. ĐIỀU KIỆN TRỞ THÀNH ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

a) Tiêu chuẩn, điều kiện để bầu thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện quy định tại ***khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 24 Điều lệ này***.

b) Ứng cử, đề cử để bầu Trưởng ban Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên phải có trình độ đại học trở lên trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán;

a) Các trường hợp ***không được ứng cử, đề cử*** để bầu thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên khi ***có độ tuổi trên 62*** (đối với nam) và ***trên 60*** (đối với nữ).

Lưu ý: Độ tuổi quy định tại khoản này có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của hợp tác xã và do Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc Đại hội thành viên quyết định.

ĐIỀU 28. TÀI SẢN GÓP VỐN CỦA HỢP TÁC XÃ

ĐIỀU 73 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. Tài sản góp vốn là ***Đồng Việt Nam***, nếu là vàng, ngoại tệ tự do thì phải chuyển đổi Đồng Việt Nam và phải thực hiện bằng hình thức ***chuyển khoản vào một tài khoản của hợp tác xã được mở tại một ngân hàng thương mại*** hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Tài sản góp vốn điều lệ bằng các hình thức khác (gồm: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác, quyền khác) thì phải thực hiện định giá bằng Đồng Việt Nam do một tổ chức thẩm định giá định giá và phải được Hội nghị thành lập hoặc Đại hội thành viên chấp thuận bằng thể thức văn bản là một nghị quyết của hội nghị, đại hội *(khi có **trên 50%** số thành viên tham dự hội nghị, đại hội thống nhất biểu quyết thông qua)*.

2. Chỉ cá nhân, tổ chức, hộ gia đình là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng quyền tài sản hợp pháp, quyền khác theo quy định tại khoản 1 Điều này có quyền góp vốn theo quy định của pháp luật.

3. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, tài sản khác thì cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn góp vốn bằng tài sản đó hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự.

4. Thành viên có thể dùng tài sản để tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã thông qua hợp đồng hợp tác, hợp đồng liên kết với hợp tác xã. Trong trường hợp này, tài sản đó không phải là tài sản góp vốn và không phải chuyển quyền sở hữu cho hợp tác xã.

ĐIỀU 29. VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN GÓP TỐI ĐA VÀ TỐI THIỂU, THÀNH VIÊN CÓ PHẦN VỐN GÓP LỚN VÀ PHÍ THÀNH VIÊN

KHOẢN 26 ĐIỀU 4 VÀ ĐIỀU 74 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. VỐN ĐIỀU LỆ

a) Vốn điều lệ đăng ký thành lập hợp tác xã: …

Viết bằng chữ: … do các thành viên sáng lập góp vốn tham gia thành lập hợp tác xã theo giấy cam kết góp vốn của thành viên.

b) Việc thay đổi đăng ký mức vốn điều lệ của hợp tác xã do Đại hội thành viên hợp tác xã quyết định.

2. VỐN GÓP TỐI ĐA

Vốn góp tối đa là mức vốn góp cao nhất mà cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình được góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã. Theo đó:

a) Thành viên sáng lập: Phần vốn góp tối đa được thực hiện theo thỏa thuận nhưng tối đa không quá ***30% vốn điều lệ đăng ký thành lập hợp tác xã***.

b) Thành viên chính thức: Phần vốn góp tối đa được thực hiện theo thỏa thuận nhưng tối đa không quá ***30% vốn điều lệ hợp tác xã*** tính tại thời điểm thành viên cam kết góp đủ vốn.

c) Thành viên liên kết góp vốn: Tổng phần vốn góp của tất cả thành viên liên kết góp vốn được thực hiện theo thỏa thuận nhưng không quá ***30% vốn điều lệ hợp tác xã*** tính tại thời điểm thành viên cam kết góp đủ vốn.

d) Tổng phần vốn góp của tất cả thành viên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài không quá ***30% vốn điều lệ hợp tác xã*** tính tại thời điểm thành viên cam kết góp đủ vốn.

ĐIỀU 29. VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN GÓP TỐI ĐA VÀ TỐI THIỂU, THÀNH VIÊN CÓ PHẦN VỐN GÓP LỚN VÀ PHÍ THÀNH VIÊN

KHOẢN 25 ĐIỀU 4 VÀ ĐIỀU 74 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. VỐN ĐIỀU LỆ

a) Vốn điều lệ đăng ký thành lập hợp tác xã: …

Viết bằng chữ: … do các thành viên sáng lập góp vốn tham gia thành lập hợp tác xã theo giấy cam kết góp vốn của thành viên.

b) Việc thay đổi đăng ký mức vốn điều lệ của hợp tác xã do Đại hội thành viên hợp tác xã quyết định.

3. VỐN GÓP TỐI THIỂU

Vốn góp tối thiểu là mức vốn góp thấp nhất mà cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình phải góp vào vốn điều lệ để xác lập tư cách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã. Theo đó:

a) Thành viên sáng lập: Phần vốn góp tối thiểu phải thực hiện: Không dưới ***5% vốn điều lệ đăng ký thành lập hợp tác xã***;

b) Thành viên chính thức: Phần vốn góp tối thiểu phải thực hiện: Không dưới ***5% vốn điều lệ hợp tác xã*** tính tại thời điểm thành viên cam kết góp đủ vốn.

c) Thành viên liên kết góp vốn: Không áp dụng quy định này.

Lưu ý: Các chỉ số quy định tại khoản này có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của hợp tác xã và do Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc Đại hội thành viên quyết định.

ĐIỀU 29. VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN GÓP TỐI ĐA VÀ TỐI THIỂU, THÀNH VIÊN CÓ PHẦN VỐN GÓP LỚN VÀ PHÍ THÀNH VIÊN

KHOẢN 25 ĐIỀU 4 VÀ ĐIỀU 74 LUẬT HỢP TÁC XÃ

4. THÀNH VIÊN CÓ PHẦN VỐN GÓP LỚN

a) Thành viên sáng lập có phần vốn góp lớn: Không dưới ***15% vốn điều lệ đăng ký thành lập hợp tác xã***;

c) Thành viên chính thức có phần vốn góp lớn: Không dưới ***15% vốn điều lệ hợp tác xã*** tính tại thời điểm thành viên cam kết góp đủ vốn.

c) Thành viên liên kết góp vốn: Không áp dụng quy định này.

Lưu ý: Các chỉ số quy định tại khoản này có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của hợp tác xã và do Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc Đại hội thành viên quyết định.

5. PHÍ THÀNH VIÊN *(thực hiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Luật Hợp tác xã):*

a) Phí thành viên chỉ áp dụng đối với thành viên liên kết không góp vốn.

b) Để được tham gia sử dụng sản phẩm, dịch vụ do hợp tác xã cung cấp hoặc tham gia việc làm do hợp tác xã tạo ra, hoặc vừa sử dụng sản phẩm, dịch vụ do hợp tác xã cung cấp và vừa tham gia việc làm do hợp tác xã tạo ra, thành viên liên kết không góp vốn ***phải thực hiện nộp phí thành viên hàng tháng*** theo quy định, quy chế nội bộ của hợp tác xã và do Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc Đại hội thành viên quyết định.

ĐIỀU 30. THỜI HẠN, HÌNH THỨC GÓP VỐN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ GÓP VỐN

KHOẢN 4, 5, 6, 7 ĐIỀU 74 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. Thời hạn, hình thức góp vốn của thành viên thực hiện theo cam kết góp vốn của thành viên và theo quy định của hợp tác xã nhưng thời hạn phải góp đủ vốn chậm nhất là ***06 tháng kể từ ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã*** hoặc kể từ ngày được kết nạp thành viên của hợp tác xã, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có). Trong thời hạn này, ***thành viên có các quyền, nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết góp vốn***.

2. Thành viên chỉ được góp vốn bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của Hội đồng quản trị hợp tác xã.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì xử lý như sau:

a) Thành viên ***chưa góp vốn theo cam kết hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu*** quy định trong Điều lệ sẽ ***bị chấm dứt tư cách thành viên***.

b) Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết nhưng có phần vốn góp bằng hoặc cao hơn vốn góp tối thiểu theo quy định của hợp tác xã thì thành viên có quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp theo quy định của Luật Hợp tác xã và Điều lệ.

4. Trong thời hạn ***30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải góp đủ phần vốn góp đã cam kết*** theo quy định tại khoản 1 Điều này, ***hợp tác xã phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng phần vốn đã góp*** theo quy định của Luật Hợp tác xã, trừ trường hợp phần vốn góp còn thiếu đã được góp đủ trong thời hạn này. ***Thành viên chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với nghĩa vụ tài chính phát sinh trong thời gian trước ngày được cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp*** theo quy định của Luật Hợp tác xã.

ĐIỀU 39. HOẠT ĐỘNG CHO VAY NỘI BỘ

I. ĐIỀU 83 LUẬT HỢP TÁC XÃ

1. Cho vay nội bộ là việc hợp tác xã cho ***thành viên chính thức*** vay trong thời hạn ***không quá 12 tháng*** nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và đời sống trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm, không vì mục tiêu lợi nhuận, phải bảo toàn vốn, có hoàn trả và bù đắp đủ các khoản chi phí của hoạt động cho vay nội bộ. Hoạt động cho vay nội bộ không phải là hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng.

2. Hợp tác xã thực hiện hoạt động cho vay nội bộ khi tổ chức quản trị của hợp tác xã theo hình thức tổ chức quản trị đầy đủ và số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu ***từ 03 thành viên trở lên***;

II. ĐIỀU 19 NGHỊ ĐỊNH 113/NĐ-CP

1. Nguồn vốn cho vay nội bộ bao gồm: thu nhập còn lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế, tài chính khác, xử lý lỗ, trích lập các quỹ và phân phối cho thành viên theo quy định của Luật Hợp tác xã, vốn điều lệ, các nguồn vốn chủ sở hữu khác nhưng tối đa ***không quá 30% số vốn chủ sở hữu*** được ghi nhận tại báo cáo tài chính năm của năm trước liền kề của hợp tác xã gửi cơ quan quản lý thuế;

2. Mức cho vay tối đa đối với một thành viên áp dụng trong từng thời kỳ do Đại hội thành viên quyết định, nhưng tối đa ***không quá 5% số vốn chủ sở hữu*** của hợp tác xã được sử dụng để hoạt động cho vay nội bộ.

3. Khung lãi suất cho vay nội bộ do Đại hội thành viên xem xét quyết định, nhưng không được vượt quá ***20%/năm*** của khoản tiền vay.

4. Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ vay quá hạn tối đa ***bằng 150% lãi suất cho vay*** trong hạn trên dư nợ gốc ghi trong hợp đồng cho vay nội bộ.

ĐIỀU 40. QUỸ CHUNG KHÔNG CHIA

ĐIỀU 84 LUẬT HỢP TÁC XÃ

Quỹ chung không chia của hợp tác xã được hình thành từ các nguồn:

1. Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã được trích lập hằng năm theo tỷ lệ sau đây:

a) Trích lập quỹ đầu tư phát triển: ***18%*** trên thu nhập;

b) Trích lập quỹ dự phòng tài chính: ***5%*** trên thu nhập;

c) Trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên: ***2%*** trên thu nhập;

d) Trích lập quỹ khen thưởng: ***2,5%*** trên thu nhập;

đ) Trich lập quỹ phúc lợi: ***2,5%*** trên thu nhập.

Lưu ý: Các chỉ số quy định tại khoản này có thể điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của hợp tác xã và do Hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc Đại hội thành viên quyết định.

2. Thu nhập từ giao dịch bên ngoài của hợp tác xã, thu nhập từ doanh nghiệp do hợp tác xã thành lập; thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần được trích lập quỹ chung không chia hằng năm theo tỷ lệ ***5% trên thu nhập*** để bổ sung nguồn vốn hoạt động của hợp tác xã. ***Lưu ý:*** Luật Hợp tác xã quy định tại khoản 2 Điều này: Không dưới 5%.

3. Thu nhập từ ***tặng cho, tài trợ, chuyển nhượng, thanh lý tài sản chung không chia*** theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 79 và điểm c khoản 2 Điều 88 Luật Hợp tác xã;

5. Hợp tác xã ***phân tách thu nhập từ giao dịch nội bộ*** và *thu nhập từ giao dịch bên ngoài* ***để làm căn cứ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp*** hoặc ***cho thụ hưởng các chính sách*** của Nhà nước; trường hợp không phân tách được thì toàn bộ thu nhập của hợp tác xã được coi là thu nhập từ giao dịch bên ngoài.